RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
Liberté
Égalité
Fraternité

ÉTABLISSEMENT EN GESTION DIRECTE

aefe
Agence pour l'enseignement français à l'étranger

Lycée Français International Marguerite Duras

LYCEE FRANCAIS INTERNATIONAL MARGUERITE DURAS

260 Đường 11, Long Bình, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

GIA CỐ NỀN MÓNG CHO TÒA NHÀ
RENFORCEMENT DES FONDATIONS DE L'ETABLISSEMENT

HỢP ĐỒNG
CONTRAT

SECTION-01 - PHẦN 1 - ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG/ CONDITIONS CONTRACTUELLES……2-5

SECTION-02 - PHẦN 2 – GIẤY CAM KẾT/ ACTE D'ENGAGEMENT……6

SECTION-03 - PHẦN 03 - PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG/ ANNEX DU CONTRAT……7-8

SECTION-04 - PHẦN 04 - TÀI LIỆU NHÀ THẦU/DOCUMENT ENTREPENEUR……9

SECTION-05 - PHẦN 05 - THÔNG SỐ KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS……10-11

PHẦN 1 – ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

SECTION-01- CONDITIONS CONTRACTUELLES

ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Hợp đồng với qui trình phù hợp cho công việc cũng cố nền móng tòa nhà trong khu vực được mở rộng trong tương lai, được tổng hợp các tài liệu bao gồm: điều khoản hợp đồng, giấy cam kết, phụ lục hợp đồng, thông số kỹ thuật nếu có, bảng báo giá của nhà thầu và tài liệu kỹ thuật cung cấp bởi nhà thầu thi công nếu có. Các tài liệu này là một phần không thể thiếu của hợp đồng.
2. Luật pháp, ngôn ngữ, tiền tệ áp dụng cho hợp đồng này được nêu rõ trong **[phụ lục hợp đồng]**

OBJET ET DOMAINE D'APPLICATION

1. Le marché à procédure adaptée de travaux de renforcement des fondations de l'établssement dans la zone de future extension est composé du présent document regroupant : les présentes conditions contractuelles, l'acte d'engagement, l'annexe au contrat, les spécifications techniques si fournies, le devis de l'entreprise et les documents techniques si fournis par l'entreprise. Les documents sont réputés être mutuellement explicatifs.
2. La loi, langue et la monnaie du contrat sont précisées dans **[L'annexe au contrat section 3]**

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

3. [**Phụ lục hợp đồng**] nêu rõ thời hạn hiệu lực của gói thầu. Gói thầu được phê duyệt bởi chủ đầu tư trong thời hạn này. Ngoài thời hạn quy định, nhà thầu sẽ không được chấp thuận.
4. Chủ đầu tư ký xác nhận và gửi trả lại 1 bản hồ sơ thầu cho đơn vị dự thầu, hồ sơ này có giá trị như một phần của hợp đồng và được coi như đơn vị dự thầu đã chấp nhận các điều khoản trong hồ sơ
5. Nhà thầu phải có được các giấy cấp phép hành chính yêu cầu (của Ủy ban thành phố, các bộ, cơ quan nhà nước liên quan đến lĩnh vực xây dựng và giáo dục, vv…). Nhà thầu phải tư vấn, thông báo cho khách hàng khi khách hàng cần hỗ trợ. Các chi phí và thuế liên quan đến các thủ tục này do nhà thầu chịu.

CONCLUSION DU MARCHE

3. **[L'annexe au contrat]** précise la durée de validité de l'offre. Pendant cette période le marché est conclu par son acceptation par le maître de l'ouvrage. Au-delà de cette période, l'entreprise n'est plus tenue.
4. Un exemplaire de l'offre retournée et signée par le maître de l'ouvrage a valeur contractuelle et constitue l'acceptation du Client.
5. L'entreprise doit obtenir toutes les autorisations administratives requises (mairie, ministères, agences publiques liées au domaine de la construction et de l'éducation etc…). Elle doit conseiller, avertir le Client si son aide est requise. Les coûts et taxes relatives à cesdémarches sont supportés par l'entreprise.

ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

6. **[Phụ lục hợp đồng]** nêu rõ nhà thầu có thể ký hợp đồng với nhà thầu phụ hay không.
7. Việc thi công phải tuân thủ các quy định trong tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng áp dụng tại quốc gia thực hiện.
8. Ngày dự kiến thi công và thời hạn thi công được quy định trong **[phụ lục hợp đồng] ;** cũng như các quy định phạt khi trễ thời hạn thi công nếu áp dụng.
9. Nước, điện, đường dẫn, khu vực kho bãi và khu vực lắp đặt cần thiết cho việc thi công sẽ được chuẩn bị sẵn cho nhà thầu. Chủ đầu tư có trách nhiệm giải phóng các mặt bằng liên quan đến công trình thi công.
10. Nhà thầu phải hợp tác với đội ngũ bảo trì của Trường.
11. Nhà thầu phải tổ chức và dọn dẹp rác thải phát sinh trong quá trình thi công theo đúng luật quy định.

CONDITIONS D'EXECUTION DES TRAVAUX

6. **[L'annexe au contrat]** précise si l'entreprise peut sous-traiter.
7. Les travaux seront conformes au CCP, aux normes et aux codes de la construction applicable dans le pays d'exécution.
8. Une date de démarrage prévisionnelle des travaux et un délai d'exécution sont déterminés dans **[l'annexe au contrat] ;** ainsi que les pénalités de retard si applicables.
9. L'eau, l'électricité, les accès, les aires de stockage et d'installation, nécessaires à la réalisation des travaux seront mis à la disposition de l'entreprise. Le maître d'ouvrage aura à charge de débarrasser les locaux concernés par les travaux.
10. L'entreprise est tenue de collaborer avec l'équipe de maintenance de l'établissement.
11. L'entreprise doit organiser et évacuer les déchets résultant des travaux conformément aux lois et réglementations locales.

AN TOÀN VÀ VỆ SINH

12. Nhà thầu phải thông báo khẩn cấp cho chủ đầu tư các biện pháp bảo vệ cần thiết khi có sự cố xảy ra.
13. Chủ đầu tư phải chuẩn bị sẵn cho nhân viên của nhà thầu sử dụng các khu vực vệ sinh cần thiết như nơi thay đồ, chỗ ăn, nhà vệ sinh.
14. Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể gửi cho nhà thầu văn bản cho phép thi công. Văn bản này được soạn thảo với các quy định riêng, phù hợp với dự án và hoàn cảnh cụ thể.

HYGIENE ET SECURITE

12. L'entreprise est tenue d'informer en urgence le Client de toutes dispositions conservatoires nécessaires à prendre.
13. Des locaux décents à usage de vestiaires, réfectoires et WC devront être mis à la disposition du personnel de l'entreprise par les soins du maître d'ouvrage.
14. Le cas échéant, un permis de travaux édité par le Client doit être obtenu par l'entreprise. Ce permis fixe les règles particulières au projet ou au contexte.

CONTRACT PRICE/ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

15. Giá trong hợp đồng là cố định, không được điều chỉnh, không thay đổi.
16. Chi tiết giá hợp đồng được mô tả trong [**phụ lục hợp đồng**].
17. Nhà thầu được quyền đến thăm địa điểm thi công trong thời gian gọi thầu và phải có được đầy đủ thông tin cần thiết để lập hồ sơ dự thầu. Giá trị hợp đồng phải bao gồm tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng và tất cả các yếu tố cần thiết đảm bảo chất lượng tốt, hoàn thiện và hoàn thành công trình. Nếu như có phát sinh thêm hạng mục mà nhà thầu không tính trước trong báo giá thì hạng mục phát sinh đó được coi như đã nằm trong gói báo giá. Sẽ không có bất kỳ yêu cầu thanh toán bổ sung nào được giải quyết cho các sai sót hoặc hiểu lầm từ phía Nhà thầu về khoản này.

PRIX DU CONTRAT

15. Les prix du marché sont fixes, non actualisables, non révisables.
16. Le type de prix du contrat est décrit dans **[l'annexe au contrat].**
17. L'entreprise doit avoir visité le site pendant l'appel d'offres et est réputée avoir obtenu toutes les informations nécessaires à l'établissement de son offre.Le prix du contrat est réputé couvrir toutes ses obligations en vertu du présent contrat et tous les éléments nécessaires à la bonne construction, à l'achèvement et au parachèvement des travaux. Si aucun poste n'est évalué par l'entreprise, il sera réputé que sa valeur a été répartie entre les autres postes. Aucune demande de paiement supplémentaire ne sera admise pour toute erreur ou tout malentendu de la part de l'entrepreneur à cet égard.

TIỀN TẠM ỨNG

18. **[Phụ lục hợp đồng]** sẽ nêu rõ gói thầu có khoản tiền tạm ứng trước hay không.

    Tỉ lệ tiền tạm ứng cũng được ấn định trong **[phụ lục hợp đồng].**

ACOMPTE

18. **[L'annexe au contrat]** précise si un acompte est prévu au marché.

    Le taux d'acompte est fixé dans **[l'annexe au contrat].**

HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN

19. Hóa đơn phải được phát hành theo tiến độ thực tế công việc được thực hiện, theo đúng giá quy định trong bảng báo giá.
20. Trong quá trình thi công, nhà thầu sẽ gửi các yêu cầu thanh toán theo các kỳ thanh toán quy định trong **[phụ lục hợp đồng]**. Các yêu cầu thanh toán sẽ được trình bày dưới hình thức báo cáo tiến độ theo hạng mục công việc.
21. **[Phụ lục hợp đồng]** quy định cụ thể thời hạn cho chủ đầu tư về duyệt thanh toán các hóa đơn theo tiến độ và thanh toán hóa đơn cuối cùng khi kết thúc công việc.
22. Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản theo trong thời hạn quy định tại **[Phụ lục hợp đồng].**
23. Trong trường hợp không thanh toán đúng hạn trong vòng 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nhà thầu có thể tạm ngưng việc thi công, sau khi đã thông báo trước cho chủ đầu tư mà vẫn không có phản hồi.

FACTURATION ET PAIEMENT

19. La facturation devra correspondre à l'avancement des travaux réellement exécutés en suivant les prix indiqués au devis.
20. En cours de travaux, l'entreprise établira des demandes de paiements aux intervalles fixés à **[l'annexe au contrat].** Elles seront présentées sous forme de situations d'avancement par postes de travaux.
21. **[L'annexe au contrat]** fixe les délais spécifiques de présentation, d'approbation et de paiement des factures et de la facture de fin de travaux par le Client.
22. Les règlements seront effectués par virement bancaire dans les délais fixes à **[l'annexe au contrat].**
23. En cas de non-paiement à l'échéance, l'entreprise pourra suspendre les travaux dans un délai de 15 jours, après mise en demeure préalable au maître de l'ouvrage restée infructueuse.

KHOẢN GIỮ LẠI CHO BẢO HÀNH

24. **[Phụ lục hợp đồng]** nêu rõ trong trường hợp cần giữ lại một khoản tiền cho bảo hành áp dụng cho gói thầu này.

25. **[Phụ lục hợp đồng]** nêu rõ phương thức thanh toán khoản tiền giữ lại cho bảo hành.

RETENUE DE GARANTIE

24. **[L'annexe au contrat]** précise si une retenue de garantie est applicable au marché.

25. **[L'annexe au contrat]** précise les modalités de libération des retenues de garanties.

BẢO HÀNH VỀ THI CÔNG

26. **[Phụ lục hợp đồng]** sẽ nêu rõ nếu có bảo hành về thi công cũng như là hình thức bảo hành của gói thầu này.

GARANTIE D'EXECUTION

26. **[L'annexe au contrat]** précise si une garantie d'exécution est prévue au marché, ainsi que sa forme le cas échéant.

SỬA ĐỔI PHẠM VI CÔNG VIỆC

27. Tất cả thay đổi về khối lượng hay loại hình công việc đều phải được thống nhất bằng văn bản. Văn bản phải nêu rõ sự ảnh hưởng về tài chính và thời hạn thi công nếu có. Không có một công việc nào phát sinh được thực hiện mà không có sự phê duyệt của chủ đầu tư.

28. Các công việc phát sinh thêm đã được duyệt, sẽ được ghi rõ trong hóa đơn. Các khoản phát sinh này không được tạm ứng và cũng không nằm trong khoản giữ lại cho bảo hành trừ khi nó được ghi rõ trong văn bản thỏa thuận.

TRAVAUX MODIFICATIFS

27. Toute modification du volume ou du type de travaux doivent être convenus et décrits dans un ordre de service. Celui-ci devra fixer l'impact financier et le délai d'exécution le cas échéant. Aucun travail supplémentaire ne sera réalisé sans l'approbation du maître d'ouvrage.

28. Les travaux résultants d'Ordres de Service seront clairement identifiés dans la facturation. Ils ne feront pas l'objet d'avance ou de retenues sauf si indiqué dansl'Ordre de Service.

NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

29. Việc nghiệm thu công trình sẽ diễn ra sau khi công trình được hoàn thành. Nhà thầu gởi yêu cầu nghiệm thu và được xác nhận bởi chủ đầu tư. Việc nghiệm thu có yêu cầu hoặc không có yêu cầu về việc khắc phục lỗi. Biên bản nghiệm sẽ được ký bởi hai bên.

30. Trong thời hạn tối đa là 15 ngày, kể từ ngày yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu, chủ đầu tư phải thông báo ngày thẩm định công trình. Ngày này không thể quá 30 ngày kể từ ngày yêu cầu. Sau 30 ngày, nếu không nhận được yêu cầu thẩm định của chủ đầu tư thì việc nghiệm thu coi như được chấp nhận.

31. Việc nghiệm thu này sẽ có các khả năng như sau:

    1/Có yêu cầu các hạng mục cần khắc phục từ phía chủ đầu tư nếu chủ đầu tư ra thông báo tới nhà thầu thời hạn 30 ngày nêu trên.

    2/Không có yêu cầu khắc phục trong trường hợp ngược lại.

32. Trong trường hợp có các yêu cầu khắc phục khả thi, nhà thầu đưa thời hạn khắc phục và được sự đồng ý bởi các bên (tối thiểu là 30 ngày). Việc ký biên bản hoàn thành cho các công việc đã khắc phục phải được tổ chức theo yêu cầu của nhà thầu.

33. Việc nghiệm thu xác nhận nhà thầu đã hoàn thành mọi nghĩa vụ trong hợp đồng ngoại trừ nghiệm thu khắc phục lỗi và bảo hành.

RECEPTION DES TRAVAUX

29. La réception des travaux a lieu dès leur achèvement. Elle est prononcée, à la demande de l'entreprise, par le maître de l'ouvrage, avec ou sans réserve de façon contradictoire avec l'entreprise. Elle donne lieu à la signature d'un procès-verbal (ou constat) de réception.

30. Dans un délai maximum de 15 jours calendaires à compter de la demande de réception par l'entreprise, le maître d'ouvrage doit faire connaître la date de visite contradictoire de réception. Cette date ne peut être fixée à plus de 30 jours calendaires à compter de la demande. A défaut d'une réception expresse par le maître d'ouvrage dans le délai de 30 jours susvisé, la réception est réputée acquise à l'entreprise.

31. Cette réception est considérée comme étant : 1) avec réserves, si le maître d'ouvrage les a formulées et notifiées à l'entreprise dans le délai de 30 jours susvisé,2) sans réserve, dans le cas contraire.

32. Dans le cas où il serait fait état de réserves motivées, l'entreprise dispose du délai défini entre les parties pour y remédier (minimum 30 jours calendaires). La signature d'un constat de levée des réserves doit être organisée à la demande de l'entreprise.

33. La réception libère l'entreprise de toutes les obligations contractuelles autres que le parachèvement et les garanties.

BẢO HIỂM

34. Nhà thầu phải được bảo hiểm cho các công việc họ thực hiện.

    Gói Bảo hiểm phải bảo hiểm cho tất cả các rủi ro phát sinh từ: công việc thi công, bảo vệ người lao động, bảo vệ bên thứ 3, người qua lại, xe cộ và những người khác được phép vào công trường hoặc phạm vi biên giới công trường.

35. [**Phụ lục hợp đồng]** nêu rõ số tiền bảo hiểm yêu cầu nếu có.

36. Trước khi ký hợp đồng, nhà thầu phải đảm bảo rằng nhà thầu được bảo hiểm phù hợp với các quy định của hợp đồng và đóng đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định. Giấy chứng nhận bảo hiểm phải được cung cấp cho chủ đầu tư nếu được yêu cầu.

ASSURANCES

34. L'entreprise doit être assurée pour les travaux qu'elle exécute. Cette assurance doit couvrir les risques découlant : de ses travaux, de la protection de son personnel, de la protection des tiers, passants, véhicules et autres ayant autorisation d'accès au chantier ou à ses abords.

35. **[L'annexe au contrat]** précise les montants d'assurances requis le cas échéant

36. Avant la signature du marché, l'Entreprise doit s'assurer qu'elle est garantie conformément aux dispositions du contrat et qu'elle est à jour de ses cotisations. Une attestation doit être fournie au Client sidemande.

BẢO ĐẢM HOÀN THIỆN HOÀN HẢO

37. Nhà thầu phải đảm bảo việc bảo hành công trình trong vòng 1 năm cho phần đã thi công.

38. Nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư thời hạn bảo hành của các thiết bị lắp đặt.

PARFAIT ACHEVEMENT

37. L'entreprise doit assurer une garantie de parfait achèvement d' 1 an pour lesouvrages.

38. L'entreprise doit indiquer au maître d'ouvrage la durée de garantie des produits installés sur demande.

SỬA CHỮA LỖI CÔNG TRÌNH

39. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu sửa chữa các lỗi công trình đã thi công vào bất cứ thời điểm nào trong thời gian thi công được quy định tại phụ lục hợp đồng. Nhà thầu sẽ phải khắc phục các lỗi đó mà không được yêu cầu thêm bất cứ khoản phí phát sinh nào đối với các lỗi liên quan đến thiết kế, vật tư, hoàn thiện hay việc thực hiện không tuân theo các quy định trong hợp đồng.

REPARATION DES DEFAUTS

39. Le maître d'ouvrage, peut à tout moment de la période indiquée dans [**L'annexe au contrat**], solliciter l'entreprise pour réparer tout défaut présent sur les ouvrages réalisés. L'entreprise devra remédier, sans coût supplémentaire pour le maître d'ouvrage, à tout défaut lié à la conception, aux matériaux, aux finitions, ou à la mise en œuvre qui ne sont pas conformes au contrat.

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

40. Nhà thầu phải coi hợp đồng là bảo mật. Nhà thầu không được phép tiết lộ các thông tin, bản thiết kế hay hình ảnh,… của công trình mà không hỏi ý kiến trước và không được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

41. Tất cả hoa hồng, lợi ích, quà tặng, do nhà thầu hoặc đại diện nhà thầu hứa hoặc trao cho chủ đầu tư hoặc bất kỳ người nào có liên quan, có thể dẫn đến việc hủy bỏ Hợp đồng mà nhà thầu không nhận được bất kỳ khoản bồi thường hoặc thiệt hại nào.

DIVERS

40. L'Entreprise doit considérer ce Contrat comme confidentiel. L'Entreprise ne doit pas publier des informations, plans, photographies etc.. des travaux sans avoir au préalable obtenu l'approbation écrite du Client

41. Toutes commissions, avantages, cadeau, promis ou donne par l'entreprise ou pour son compte, au Client ou à toutes personnes liées à celui-ci, pourra résulter à l'annulation du Contrat sans aucune compensation oudédommagements pour l'Entreprise consécutive à cette annulation.

TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG

42. Khi một trong hai bên không tuân thủ đúng các điều kiện của hợp đồng, bên kia có thể thông báo bằng văn bản để yêu cầu chấp hành trong vòng 15 ngày. Quá thời hạn này, bên gây lỗi có thể sẽ bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của mình.

43. Trong trường hợp có tranh chấp, hai bên cùng thảo luận bàn bạc để tìm ra phương án giải quyết. Phương án này được soạn thảo và chấp nhận bởi hai bên.

44. Nếu việc tranh chấp không thể giải quyết bằng sự thỏa thuận giữa đôi bên trong vòng 30 ngày thì, một bên có thể gửi văn bản thông báo cho bên kia trong vòng 8 ngày, yêu cầu một chuyên gia để giải quyết, chi phí phát sinh cho chuyên gia sẽ do hai bên cùng chịu, chi phí sẽ được chia ra cho hai bên sau khi tìm ra giải pháp. Nếu không có thông báo trong vòng 30 ngày hoặc không có chuyên gia nào trong vòng 40 ngày sau khi có thông báo thì các bên có thể đưa sự việc lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

CONTESTATIONS ET LITIGES

42. Lorsqu'une des parties ne se conforme pas aux conditions du marché, l'autre partie peut la mettre en demeure d'y satisfaire sous 15 jours, par lettre recommandée avec accusé de réception. Passé ce délai la partie défaillante pourra se voir résilier à ses torts.

43. En cas de litige, les deux parties s'engagent à essayer de trouver un accord amiable pourra être rédigé et accepté par les deux parties.

44. Si le litige n'a pas été solutionné par les discussions amiables au bout de 30 jours ; alors chaque partie peutenvoyer à l'autre dans les 8 jours suivants une notification écrite demandant la nomination d'un expert dont les couts seront communs et partagés afin que celui-ci statue sur une solution. Si aucune notification n'est faite dans les 30 jours ou qu'un expertn'a pas été nommé dans les 40 jours suivant la notification, alors chaque partie peut saisir le tribunal compétent

PHẦN 2- GIẤY CAM KẾT/ ACTE D'ENGAGEMENT

Giữa : Một bên (gọi là « chủ dự án")
Entre : (nommé "le Client") d'une part

Và :Một bên (gọi là "nhà thầu thi công")
Et : (nommé "l'Entreprise") d'autre part

Nhà thầu đã xem xét hợp đồng và đề nghị giá thi công cố đinh (tiền Việt Nam đồng, chưa bao gồm thuế) là :

L'Entreprise a examiné le contrat et propose d'exécuter les travaux pour un coût forfaitaire de (VND HT)

(bằng chữ)

(en lettres)

Ký tên/Signature:	Ngày/Date:
Tên/ Nom:	Được ủy quyền và ký thay mặt cho (Tên doanh nghiệp): Autorisé à signer au nom de :
Năng lực/Capacité	

CHẤP THUẬN/ ACCEPTATION

Chủ đầu tư ký tên dưới đây, đã đồng ý giá thầu của Nhà thầu và chấp thuận để Nhà thầu thực hiện công việc, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được một bản gốc của tài liệu này do Chủ đầu tư ký.

Le **Client** a, en signant ci-dessous, accepté l'offre de **l'Entreprise** convient qu'en contrepartie de l'exécution des travaux par **l'Entreprise**, le **Client** paiera **l'Entreprise** conformément au contrat. Cette entente entre en vigueur à la date à laquelle **l'Entreprise** reçoit un original de ce document signé par le **Client**

Chữ ký/ Signature:	Ngày/Date:
Tên/Nom:	Được ủy quyền và ký thay mặt cho (Tên doanh nghiệp): Autorisé à signer au nom de :
Chức vụ/Capacité	

PHẦN – 03 – PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
SECTION-03- ANNEXE DU CONTRAT

Désignation	**ART N°**	**Conditions**
Luật pháp áp dụng cho hợp đồng/ loi applicable :	**2**	VN
Ngôn ngữ hợp đồng/ Langage :	**2**	Tiếng việt và tiếng pháp. Vietnamien / Français Trong trường hợp có tranh chấp, ngôn ngữ được ưu tiên áp dụng là tiếng Việt. En cas de litiges la langue vietnamienne prévaut
Tiền tệ /monnaie :	**2**	VND
Thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu/Validité de l'offre :	**3**	90 ngày theo lịch dương/ 90 jours
Nhà thầu phụ/ sous-traitance :	**6**	Có thể được ký hợp đồng với nhà thầu phụ sau khi được chủ dự án phê duyệt đối với mỗi nhà thầu. La sous-traitance proposée par l'entreprise doit être validée par le Client.
Thời gian thi công/ Temps d'exécution	**8**	**45 ngày / 45 jours**
Ngày bắt đầu thực hiện thi công/ date début des travaux :	**8**	Ngày 01/07/2023 Le 01 juillet 2023
Trễ hạn thi công, số tiền phải trả do trễ hạn/ retard d'exécution, montant à payer en cas de retard : Late completion. Amount payable due to failure to complete.	**8**	11.500.000 VND/ 1 ngày, không vượt quá (20%) giá trị hợp đồng. 11.500.000 VND par jour calendaire ; sans pouvoir dépasser (20 %) de la valeur du contrat.
Giá trị hợp đồng/ Valeur du contrat	**16**	**Giá trị trọn gói và cố định/marché global et forfaitaire**
Tiền tạm ứng Acompte	**18**	Cho phép được tạm ứng 40% giá trị hợp đồng và phải có bảo lãnh ngân hàng cho khoản tiền tạm ứng. Autorisation de versement d'un acompte de 40% contre présentation d'une garantie bancaire de l'entreprise.
Lịch thanh toán Calendrier des paiements	**21**	Nhà thầu có thể gửi hóa đơn thanh toán theo tiến độ công việc đã hoàn thành cho chủ đầu tư kể từ ngày 25 tháng 8, trong trường hợp công trình chưa được nghiệm thu. Hóa đơn cuối cùng sẽ được gởi sau khi nghiệm thu công trình. L'entrepreneur est autorisé à préparer une facturation correspondant à l'avancement des travaux dès le 25 Août et en tout état de cause une facture finale après l'achèvement des travaux.
Thời hạn thanh toán/ Delai de paiement	**22&23**	Trong vòng 30 ngày Dans les 30 jours
Thời hạn quyết toán/ Période spécifiée pour la finale	**22&23**	Trong vòng 45 ngày Dans les 45 jours
Tỉ lệ giữ bảo hành/ Pourcentage de retenue de garantie	**24**	(5%) mỗi đợt thanh toán. (5%) de chaque paiement.

Thanh toán tiền giữ bảo hành Libération de retenue de garantie	**25**	(5%) sau khi hoàn thành khắc phục lỗi trong giai đoạn bảo hành (5%) après la période de garantie.
Bảo hành về thi công garantie d'execution	**26**	Không áp dụng Non applicable
Garantie d'execution Hoàn trả bảo hành về thi công	**26**	Không áp dụng Non applicable
Bảo hiểm bắt buộc phải cung cấp Assurances à fournir	**35**	Điều kiện hợp đồng bảo hiểm có hạn mức bồi thường là 500.000USD cho mỗi vụ và không giới hạn số vụ trong thời gian bảo hiểm. se référer aux conditions du contrat avec une limite de 500.000USD par événement et illimitée dans l'ensemble.
Thời hạn bảo hành Période de reparation des défauts	**39**	**5 năm** **5 ans**

PHẦN – 04 – TÀI LIỆU NHÀ THẦU
SECTION-04- DOCUMENTS DE L'ENTREPRISE

Đính kèm vào phần sau các thông số kỹ thuật của dự án, các tài liệu phải bao gồm nhưng không giới hạn như:
- Hợp đồng
- Bảng phân tích chi tiết tổng thể và giá cố định (bảng excel đính kèm).
- Giấy phép nhà thầu còn hiệu lực
- Các giấy Chứng nhận bảo hiểm của nhà thầu
- Thẻ nhớ các phương pháp của nhà thầu
- Tài liệu kỹ thuật nêu trong phần 5

Le présent contrat
Le bordereau de décomposition du prix global et forfaitaire (tableau excel joint)
Agrément ou licence d'entrepreneur à jour
Les attestations d'assurance de l'entrepreneur
Le mémoire méthodologique de l'entrepreneur
Les pièces techniques figurant en section 5

PHẦN 05 – THÔNG SỐ KỸ THUẬT
SECTION-05- SPECIFICATIONS TECHNIQUES

Chèn vào phần sau các thông số kỹ thuật của dự án, chúng có thể bao gồm bất kỳ tài liệu liên quan nào minh họa cho mong đợi của chủ đầu tư đối với dự án:

- Các thông số kỹ thuật do Chủ đầu tư cung cấp nếu có
- Các bố cục hoặc nghiên cứu hiện có
- Phương pháp của nhà thầu đã công bố.

Insert in the following section the technical specifications of the project, they can include any relevant document illustrating the Client expectation on the project:

- Technical specifications supplied by the Client if any
- Existing layouts or studies
- Contractor method of statement

Insérez dans la section suivante les spécifications techniques du projet, elles peuvent inclure tout document pertinent illustrant l'attente du Client sur le projet :

-Spécifications techniques fournies par le Client le cas échéant

DANH MỤC BẢN VẼ KẾT CẤU
LIST OF STRUCTURAL DRAWINGS

SỐ TT No.	KÝ HIỆU SYMBOL	TÊN BẢN VẼ NAME OF DRAWING
		BÌA BẢN VẼ COVER
01	S-LFI-RF-PRI.01	DANH MỤC BẢN VẼ LIST OF DRAWINGS
02	S-LFI-RF-PRI.02	DANH MỤC BẢN VẼ LIST OF DRAWINGS
03	S-LFI-RF-PRI.03	GHI CHÚ CHUNG No.1- KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP GENERAL NOTE No.1 - REINFORCED CONCRETE STRUCTURE
04	S-LFI-RF-PRI.04	GHI CHÚ CHUNG No.2 - KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP GENERAL NOTE No.2 - REINFORCED CONCRETE STRUCTURE
05	S-LFI-RF-PRI.05	QUY TRÌNH KHOAN CẤY THÉP NEO DRILLING PROCESS OF ANCHOR REINFORCING BAR
		MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH / EXISTING GROUND FLOOR PLAN
06	S-LFI-RF-PRI.06	MẶT BẰNG, VỊ TRÍ GIA CỐ MÓNG HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH - KHU TIỂU HỌC PLAN, LOCATION OF REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
07	S-LFI-RF-PRI.07	MẶT BẰNG TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXISTING PLAYOUT GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION PLAN - PRIMARY AREA
08	S-LFI-RF-PRI.08	MẶT BẰNG MÓNG HIỆN TRẠNG - KHU TIỂU HỌC EXIST FOOTTING PLAN - PRIMARY AREA
09	S-LFI-RF-PRI.09	MẶT BẰNG ĐÀ KIỀNG,BÊ TÔNG CỐT THÉP NỀN TẦNG TRỆT HIỆN TRẠNG - KHU TIỂU HỌC EXIST GROUND FLOOR SLAB REINFORCEMENT PLAN - PRIMARY AREA
10	S-LFI-RF-PRI.10	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN NGUỒN ÂM NỀN TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST POWER SUPPLY PIPE INSIDE GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
11	S-LFI-RF-PRI.11	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN ĐÈN ÂM NỀN TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST LIGHT ELECTRIC PIPE INSIDE GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
12	S-LFI-RF-PRI.12	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ÂM NỀN TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST DRAIN WATER DRAINAGE PIPE INSIDE GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
13	S-LFI-RF-PRI.13	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI ÂM NỀN TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST WASTE WATER DRAINAGE PIPE INSIDE GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
14	S-LFI-RF-PRI.14	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TRỆT HIỆN TRẠNG,MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST WASTE WATER DRAINAGE PIPE GROUND FLOOR,REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
15	S-LFI-RF-PRI.15	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TƯỚI CÂY ÂM NỀN TRỆT HIỆN TRẠNG & MẶT BẰNG MÓNG GIA CỐ - KHU TIỂU HỌC PLAN OF EXIST WATER SUPPLY FOR PLANTS INSIDE GROUND FLOOR & REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA

DANH MỤC BẢN VẼ KẾT CẤU
LIST OF STRUCTURAL DRAWINGS

SỐ TT No.	KÝ HIỆU SYMBOL	TÊN BẢN VẼ NAME OF DRAWING
		KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH / SURVEY GEOGRAPHY OF CONSTRUCTIONS
16	S-LFI-RF-PRI.16	MẶT BẰNG MẶT BẰNG VỊ TRÍ HỐ KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH LOCATION OF BOREHOLES SURVEY GEOGRAPHY OF CONSTRUCTIONS
17	S-LFI-RF-PRI.17	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P1-->P4 (BH1) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P1-->P4 (BH1) - PRIMARY AREA
18	S-LFI-RF-PRI.18	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P5-->P12 (BH2) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P5-->P12 (BH2) - PRIMARY AREA
19	S-LFI-RF-PRI.19	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P17-->P22 ; P33 --> P36 (BH3) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P17-->P22 ; P33 --> P36 (BH3) - PRIMARY AREA
20	S-LFI-RF-PRI.20	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P13-->P16 ; P23 -->P25 (BH4) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P13-->P16 ; P23 -->P25 (BH4) - PRIMARY AREA
21	S-LFI-RF-PRI.21	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P26-->P32 ; P37 -->P47 (BH5) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P26-->P32 ; P37 -->P47 (BH5) - PRIMARY AREA
22	S-LFI-RF-PRI.22	MẶT CẮT CỌC KHOAN NHỒI P48-->P50 (BH6) - KHU TIỂU HỌC SECTION OF BORED PILE P48-->P50 (BH6) - PRIMARY AREA
		GIA CỐ MÓNG HIỆN TRẠNG KHU TIỂU HỌC / REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
23	S-LFI-RF-PRI.23	MẶT BẰNG CỌC KHOAN NHỒI GIA CỐ MÓNG HIỆN HỮU - KHU TIỂU HỌC PLAN OF BORED PILE REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
24	S-LFI-RF-PRI.24	CHI TIẾT CỌC KHOAN NHỒI DETAILS OF BORED PILE
25	S-LFI-RF-PRI.25	MẶT BẰNG ĐÀI CỌC GIA CỐ MÓNG HIỆN HỮU - KHU TIỂU HỌC PLAN OF PILE CAP REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
26	S-LFI-RF-PRI.26	MẶT CẮT ĐÀI CỌC, CỌC KHOAN NHỒI GIA CỐ MÓNG HIỆN HỮU - KHU TIỂU HỌC SECTION OF PILE CAP,BORED PILE REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA
27	S-LFI-RF-PRI.27	CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐÀI CỌC M1- KHU TIỂU HỌC TYPICAL DETAIL OF PILE FOUNDATION M1 - PRIMARY AREA
28	S-LFI-RF-PRI.28	CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐÀI CỌC M1A- KHU TIỂU HỌC TYPICAL DETAIL OF PILE FOUNDATION M1A - PRIMARY AREA
29	S-LFI-RF-PRI.29	CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐÀI CỌC M2 - KHU TIỂU HỌC TYPICAL DETAIL OF PILE FOUNDATION M2 - PRIMARY AREA
30	S-LFI-RF-PRI.30	CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐÀI CỌC M3 - KHU TIỂU HỌC TYPICAL DETAIL OF PILE FOUNDATION M3 - PRIMARY AREA
31	S-LFI-RF-PRI.31	MẶT BẰNG HOÀN THIỆN NỀN KHU VỰC GIA CỐ MÓNG HIỆN TRẠNG - KHU TIỂU HỌC PLAN OF FINISHING GROUND FLOOR REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION - PRIMARY AREA

KEY PLAN

Lycée Français International Marguerite Duras

CẢI TẠO GIA CỐ MÓNG CÔNG TRÌNH : TRƯỜNG QUỐC TẾ PHÁP MARGUERITE DURAS
REINFORCEMENT EXIST FOUNDATION : LFI MARGUERITE DURAS

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ KIẾN TRÚC LAM HỒNG

PHẦN KẾT CẤU
STRUCTURAL PART

THIẾT KẾ CƠ SỞ / PRELIMINARY
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / WORKING DESIGN

DANH MỤC BẢN VẼ
LIST OF DRAWINGS

1/100 | A2 | C

S-LFI-RF-PRI.02

L’ensemble des documents techniques ci-dessus est accessible via le lien suivant :

Các tài liệu kỹ thuật kể trên có thể truy cập tại :

https://www.dropbox.com/sh/am95qfsdtg7t8ag/AAD1cdTiusbOjxZVhdsZAqaAa?dl=0